

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2025

Số: 944/TM-VNLMT

THƯ MỜI

V/v báo giá vật tư, hóa chất thuộc nhiệm vụ Hợp phần số 3: “Nghiên cứu đánh giá mức độ ô nhiễm vi nhựa trong sinh vật tại một số hệ sinh thái khu vực phía Bắc - Việt Nam”, mã số TĐĐGVN.03/24-26

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp vật tư hóa chất

Căn cứ Quyết định số 1395/QĐ-VHL ngày 30/6/2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc phê duyệt triển khai Hợp phần số 3 “Nghiên cứu đánh giá mức độ ô nhiễm vi nhựa trong sinh vật tại một số hệ sinh thái khu vực phía Bắc - Việt Nam”, mã số TĐĐGVN.03/24-26;

Căn cứ Quyết định số 2950/QĐ-VHL ngày 29/12/2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc điều chỉnh đơn vị chủ trì và đơn vị quản lý kinh phí các nhiệm vụ;

Căn cứ vào Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ Hợp phần số 3: “Nghiên cứu đánh giá mức độ ô nhiễm vi nhựa trong sinh vật tại một số hệ sinh thái khu vực phía Bắc - Việt Nam”, mã số TĐĐGVN.03/24-26;

Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường kính mời các đơn vị cung cấp vật tư hóa chất gửi cho Viện xin báo giá danh mục vật tư hóa chất cụ thể như phụ lục danh mục kèm theo Thư mời.

Báo giá danh mục vật tư hóa chất gửi cho chúng tôi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp về địa chỉ như sau:

Địa chỉ: Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường, 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 02437569136. Email: vanthu@istee.vast.vn

Thời gian nhận báo giá: trước ngày 25/12/2025.

Trân trọng./f

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, CNSHMT (AN.03)

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Nguyễn Quang Ninh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thư mời số 001/TT-VNLMT ngày 09/12/2025)

TT	Tên vật tư, hóa chất	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Cốc đốt thấp thành 100 ml	- Chất liệu: thủy tinh borosilicate - Dạng thấp - Dung tích: 100ml	Cái	10
2	Cốc đốt thấp thành 250 ml	- Chất liệu: thủy tinh borosilicate - Dạng thấp - Dung tích: 250ml	Cái	10
3	Cốc đốt thấp thành 600 ml	- Chất liệu: thủy tinh borosilicate - Dạng thấp - Dung tích: 500ml	Cái	10
4	Ống đong thủy tinh 50ml	- Chất liệu: thủy tinh - Dung tích: 50ml	Cái	6
5	Ống đong thủy tinh 100ml	- Chất liệu: thủy tinh - Dung tích: 100ml	Cái	6
6	Phiếu thủy tinh 100mm	Chất liệu: thủy tinh soda-lime. Đặc biệt thích hợp khi sử dụng với các dung dịch có nhiệt độ cao hay tính ăn mòn cao.	Cái	1
7	Bình định mức 100ml, nút nhựa	- Chất liệu: thủy tinh borosilicate - Dung tích: 100ml - d (OD): 60mm - h: 170mm	Cái	5
8	Bình định mức 1000ml, nút nhựa	- Chất liệu: thủy tinh borosilicate - Dung tích: 1000ml - d (OD): 125mm - h: 300mm	Cái	5
9	Bình tam giác 100 ml, có chia vạch	- Bình thủy tinh - Vạch chia rõ ràng - Dung tích 100 ml	Cái	10
10	Bình tam giác 250 ml, có chia vạch	- Bình thủy tinh - Vạch chia rõ ràng - Dung tích 250 ml	Cái	8

TT	Tên vật tư, hóa chất	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
11	Bình tam giác 500 ml, có chia vạch	- Bình thủy tinh - Vạch chia rõ ràng - Dung tích 500 ml	Cái	8
12	Bình tam giác có vòi 250 ml	- Bình thủy tinh - Dung tích 250 ml	Cái	10
13	Bộ lọc thủy tinh có đệm PTFE. phễu 250ml. dung tích bình 1L	- Đệm PTFE - Phễu 250 ml - Dung tích bình 1000 ml	Bộ	2
14	Bộ lọc thủy tinh 47 mm	- Chất liệu thủy tinh - Đệm PTFE - Dùng lọc vi sinh	Bộ	1
15	Bình chiết quả lê khóa thủy tinh 100 ml, không chia vạch	- Bình thủy tinh - Khóa thủy tinh - Dung tích 100 ml	Cái	10
16	Bình chiết quả lê khóa thủy tinh 250 ml, không chia vạch	- Bình thủy tinh - Khóa thủy tinh - Dung tích 250 ml	Cái	10
17	Buret khóa thủy tinh 100 ml	- Chất liệu: thủy tinh - Khóa thủy tinh - Vạch chia rõ ràng	Cái	10
18	Chai trung tính 250 ml	- Chai thủy tinh - Vạch chia rõ ràng - Dung tích 250 ml - Màu trắng	Cái	5
19	Syringe 10ul PTFE TPI 23-26/42	Syringe, 10ul PTFE tip, FN 23-26/42/HP	Hộp	2
20	Ống tiêm trích mẫu sắc ký, Syringe, 25.0 uL, FN, LC tip - Agilent	Syringe, 25.0 uL, FN, LC tip - Agilent	hộp	2
21	Ống tiêm trích mẫu sắc ký, Syringe, 50.0 uL, FN, LC tip - Agilent	Syringe, 50.0 uL, FN, LC tip - Agilent	hộp	2
22	Ống tiêm trích mẫu sắc ký, Syringe, 100 uL, FN, LC tip - Agilent	Syringe, 100 uL, FN, LC tip - Agilent	hộp	2
23	Ống tiêm trích mẫu sắc ký, Syringe, 250 uL, FN, LC tip - Agilent	Syringe, 250 uL, FN, LC tip - Agilent	hộp	2
24	Ống tiêm trích mẫu sắc ký, Syringe, 500 uL, FN, LC tip - Agilent	Syringe, 500 uL, FN, LC tip - Agilent	hộp	2

TT	Tên vật tư, hóa chất	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
25	Vial 1,5mL for GC-MS	AsmKit AmbWrtVial Grn PTFE/Si/PTFE	Hộp	2
26	Inlet septa, 11 mm, Non-stick BTO, 100/pk	CL BTO inlet septa 11mm, 100 cái/túi	Túi	2
27	Glass Wool, Silanized, pkg of 50 g	- Cột sắc ký khí nhồi bông thủy tinh silan hóa sử dụng trong quy trình thí nghiệm tách chiết các chất hữu cơ - Đóng gói: 50 g	hộp	3
28	Khí He	Độ tinh khiết: ≥99,99%	Bình	1
29	Khí N ₂	Độ tinh khiết: ≥99,99%	Bình	3
30	Khí Argon	Độ tinh khiết: 99,0%	Bình	4
31	Bộ chiết Soxhlet	Ống 500ml, bình 1000ml	Bộ	2
32	Giấy lọc cellulose nitrate filter	Pore size 5 um	hộp	3
33	Parafilm M 4" x 125'	Dài 38m, rộng 10 cm	cuộn	4
34	Bình định mức, A 7/16 10ml, nút nhựa	chất liệu thủy tinh, A 7/16 10ml , nút nhựa	cái	10
35	Bình định mức, A 10/19 20ml, nút nhựa	chất liệu thủy tinh, A 10/19 20ml , nút nhựa	cái	10
36	Bình định mức, A 12/21 50ml, nút nhựa	chất liệu thủy tinh, A 12/21 50ml , nút nhựa	cái	10
37	Giá Đựng Ống Ly Tâm 15ml	Giá đựng ống ly tâm 50 vị trí, loại ống 15 ml	cái	3
38	Giá Đựng Ống Ly Tâm 50ml	Giá đựng ống ly tâm 25 vị trí, loại ống 50ml	cái	3
39	Chai trung tính 500 ml	- Chai thủy tinh - Vạch chia rõ ràng - Dung tích 500 ml - Màu trắng	Cái	5

TT	Tên vật tư, hóa chất	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
40	Giấy nhôm, kích thước: 45cm*285m	- Kích thước: 45cm*285m	Cuộn (5,2kg)	2
41	Găng tay Nitrile	- Găng tay nitrile không bột	Thùng 10 hộp	10
42	Găng tay cao su tự nhiên, cỡ M, tiệt trùng	-Găng tay được làm từ 100% cao su tự nhiên	Thùng 10 hộp	7
43	Màng GF/A (Whatman), loại 47 mm	- GF/A 1.6um, 47mm - Chất liệu: Vi sợi thủy tinh, hình tròn	Hộp	5
44	Màng GF/F, loại 47 mm	- Kích thước lọc 47 mm	Hộp	2
45	Màng Anodisc	- Màng Anodisc 0,2um, 13mm - Chất liệu: Chất liệu: nhôm oxid	hộp	3
46	Đĩa petri thủy tinh	- Chất liệu: thủy tinh - Đường kính: 60mm	Cái	200
47	Đầu tip pipet 1 ml,nhựa tiệt trùng	MicroTips xanh (Đầu cone) 100-1000ul, PP, (Gói 5000 cái), dài 70mm	Gói	1
48	Đầu tip pipet 5 ml,nhựa tiệt trùng	MicroTips (Đầu cone) dạng Hirschmann, 1.000-5.000 ul, trắng, dài 125mm (Gói 250 cái), thùng 8 gói.	Gói	1
49	Platinum Skimmer cone for ELAN	Chất liệu: bạch kim	Chiếc	2
50	Platinum Sampler cone for ELAN	Chất liệu: bạch kim	Chiếc	1
51	Potassium hydroxide KOH	- Công thức hóa học: KOH - Dạng rắn - Màu trắng	Lọ	5
52	Chromium Cr - 10 g/l in diluted HCl for ICP	Dạng lỏng 100 ml/chai	chai	1
53	Manganese Mn - 10 g/l in diluted HCl for ICP	Dạng lỏng 100 ml/chai	chai	2

TT	Tên vật tư, hóa chất	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
54	Nickel Ni - 10 g/l in diluted HNO ₃ for ICP	Dạng lỏng 100 ml/chai	chai	3
55	Copper Cu - 1000 mg/l in diluted HNO ₃ for ICP	Dạng lỏng 100 ml/chai	chai	2
56	Lead Pb - 10 g/l in diluted HNO ₃ for ICP	Dạng lỏng 100 ml/chai	chai	2
57	Cadmium Cd - 1000 mg/l in diluted HNO ₃ for ICP	Dạng lỏng 100 ml/chai	chai	2
58	ICP-MS Internal Standard Mixed	Dạng lỏng 100 ml/chai	chai	2
59	Phthalates Mix	Dạng lỏng 1ml/chai	chai	2
60	EPA Method 8061 Phthalate Mixture 2 1000ug/mL in Isooctane	Dạng lỏng 1ml/chai	chai	2
61	PAHs Mixture - 23 components 1000ug/ml	Dạng lỏng 1ml/chai	chai	2
62	EPA Method 525 Internal Standards PAH Mixture 2000 µg/mL in Dichloromethane	- chất chuẩn phân tích - 2000 µg/mL in Dichloromethane	chai	2
63	Bisphenol A (ring 13C12) Solution 100ug/ml in Acetonitrile	Chất chuẩn phân tích Dạng lỏng 1,2 ml/chai	chai	1
64	Bisphenol A, ≥99%	chất rắn, màu trắng	Hộp	2
65	Methanol HPLC CH ₃ OH	- dạng chất lỏng nhẹ, không màu, dễ bay hơi	chai	3
66	Acetic acid (glacial) 100% anhydrous for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur	dạng lỏng, tinh khiết phân tích với GCMS	Chai	3
67	Formic acid 98-100% for analysis EMSURE® ACS,Reag. Ph Eur	Dạng lỏng Chai 1 lít	Chai	3
68	Pyridine for analysis EMSURE® ACS,Reag. Ph Eur	Dạng lỏng Chai 500 ml	Chai	1
69	Dichloromethane for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur	Dạng lỏng Chai 1 lít	Chai	3
70	Ethyl acetate	Dạng lỏng Chai 2,5 lít	Chai	3

TT	Tên vật tư, hóa chất	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
71	Ammonia solution	Dạng lỏng Chai 2,5 lít	Chai	2
72	Orthophosphoric acid	Dạng lỏng Chai 1 lít	Chai	3
73	Copure ® Florisil Sorbent for SPE	Dạng bột Ống 100ug	Hộp	2
74	Aluminium oxide	Dạng bột Lọ 100g	Lọ	2
75	n-Hexane	Dạng lỏng Chai 2,5 lít	Chai	4
76	QuEChERS Dispersive Kit	150 mg PSA, 900 mg MgSO ₄ , 50 cái/ hộp	Hộp	2
77	Acetonitrile	- Công thức: CH ₃ CN - Dạng: chất lỏng, không màu	Chai	2
78	Axit HF	Dạng: Chất lỏng không màu Quy cách: Chai 500ml	Chai	2
79	Supelclean™ PSA SPE Bulk Packing, pkg of 100g	Tinh khiết phân tích, đóng gói 100 g	Lọ	2
80	Acetone	- Công thức: C ₃ H ₆ O - Dạng: chất lỏng, không màu	Chai	7
81	Potassium iodide KI	- Công thức hóa học: KI - Dạng bột - Màu trắng	Lọ	5
82	Sodium chloride NaCl	- Công thức hóa học: NaCl - Trạng thái: chất rắn, không màu	Lọ	15
83	Sodium Iodide NaI	- Công thức hóa học: NaI - Trạng thái: chất rắn, dạng bột	Lọ	1
84	Sodium hydroxide NaOH	- Dạng: chất rắn, màu trắng, không mùi - Quy cách: Lọ 1kg	Lọ	2

TT	Tên vật tư, hóa chất	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
85	Hydrogen peroxide H_2O_2	- Công thức hóa học: H_2O_2 - Dạng lỏng - Không màu	Lọ	7
86	Sodium sulfate - Na_2SO_4	- Dạng: bột màu trắng, không mùi, dễ hút ẩm, tan trong nước. - Quy cách: Lọ 500g	Lọ	4
87	Sodium dodecyl sulfate (SDS)	- Công thức hóa học: $C_{12}H_{25}O_4S.Na$ - Dạng bột - Lọ 100g	Lọ	1
88	EDTA($C_{10}H_{14}N_2Na_2O_8 \cdot 2H_2O$)	- Quy cách 1kg/lọ - Dạng rắn	Lọ	3
89	Formaldehyde	-Dạng lỏng -Không màu -Quy cách 1L/lọ	Lọ	1

NGHỆ LƯU

Căn cứ vào kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ Hợp phần số 3: "Nghiên cứu đánh giá mức độ ô nhiễm vi nhựa trong sinh vật tại một số hệ sinh thái khu vực phía Bắc - Việt Nam", mã số TĐĐGVN.03/24-26.

Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường kính mời các đơn vị cung cấp vật tư hóa chất gửi cho Viện xin báo giá danh mục vật tư hóa chất cụ thể như phụ lục danh mục kèm theo Thư mời.

Báo giá danh mục vật tư hóa chất gửi cho chúng tôi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp về địa chỉ như sau:

Địa chỉ: Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường, 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 03437569136. Email: vanhu@vncen.vast.vn

Thời gian nhận báo giá: trước ngày 25/12/2025.

Trân trọng /

Nơi nhận:

- Như trên;

- Viện trưởng (để báo);

- Lưu VT, CNHMT (AN 03)

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Quang Ninh